TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH71700338	Nguyễn Minh	Anh	D17_KD01																						4.60	5.25		4.68	4.91		3.70	4.96	6.67	5.12	5.40	110/125	41/46				ĐẠT	DH17
2	DH71700025	Phan Đoàn Minh	Châu	D17_KD01																						5.73	6.70	3.00	5.68	5.32		4.65	5.70	7.00	6.33	6.24	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
3	DH71701259	Dương Mạnh	Cường	D17_KD01																						3.43	2.68	5.00	2.55	3.68	5.00	4.22	4.69	6.50	5.07	4.39	93/125	36/46				ĐẠT	DH17
4	DH71709019	Lê Huy	Dũng	D17_KD01																						6.36	5.55		7.32	6.54		6.36	6.42		6.52	6.43	138/125	52/46				ĐẠT	DH17
5	DH71600402	Lê Huỳnh	Đức	D17_KD01																			6.93	6.30					6.00	5.91		4.76	5.60	6.50	6.71	6.31	124/125	46/46				CB_TGIAN	DH16
6	DH71700381	Trần Thị	Hằng	D17_KD01																						5.27	5.40		5.45	5.71		3.79	5.22	6.00	5.58	5.72	121/125	45/46				ĐẠT	DH17
7	DH71702748	Nguyễn Công	Hiếu	D17_KD01																						4.93	5.20		4.41	5.00		3.40	5.30	6.00	5.23	5.31	113/125	42/46				ĐẠT	DH17
8	DH71701022	Nguyễn Phi	Hùng	D17_KD01																						6.40	6.60	7.00	5.32	6.32	9.00	5.11	6.30		6.17	6.48	127/125	47/46				ĐẠT	DH17
9	DH71701166	Phạm Thị	Huyền	D17_KD01																						6.80	7.15		6.11	7.05		6.07	7.10		6.72	6.74	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
10	DH71701096	Trần Gia	Linh	D17_KD01																						6.53	6.45		5.95	7.52	7.00	6.00	6.15	6.00	6.48	6.69	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
11	DH71700613	Lê Thị Kim	Mai	D17_KD01																						5.60	5.70	5.00	5.21	6.17	7.00	4.53	5.20	4.00	6.00	5.86	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
12	DH71701356	Trần Sương	Mai	D17_KD01																						5.60	5.70		5.37	4.77		3.25	5.22	6.33	5.96	5.75	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
13	DH71703715	Lê Công	Minh	D17_KD01																						4.73	6.00	5.00	5.57	5.37	6.00	4.47	5.40	5.67	5.81	5.83	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
14	DH71701208	Dương Thanh	Ngân	D17_KD01																						6.40	5.90		5.05	5.50	6.00	5.21	5.80	6.33	5.43	6.04	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
15	DH71700240	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D17_KD01																						6.13	6.25		6.11	6.67		5.56	6.15	7.50	6.61	6.43	127/125	47/46				ĐẠT	DH17
16	DH71703781	Nguyễn Trần Bảo	Ngân	D17_KD01																						4.53	6.50		5.38	4.95	5.00	4.10	4.88	5.50	4.75	5.53	107/125	40/46				ĐẠT	DH17
17	DH71700440	Huỳnh Kỳ	Nhạn	D17_KD01																						6.27	6.60		5.79	5.68	7.00	5.21	5.20	6.50	5.67	6.14	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
18	DH71700585	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	D17_KD01																						7.07	6.90		6.42	7.05		6.50	6.60		7.22	6.86	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
19	DH71701173	Võ Trang Quỳnh	Như	D17_KD01																						5.40	5.45		5.32	5.68	6.00	5.43	5.70	5.50	6.24	5.99	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
20	DH71700782	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D17_KD01																						4.53	1.00		3.73	4.11	0.00	4.48	5.43	6.33	6.38	5.22	93/125	34/46				ĐẠT	DH17
21	DH71700077	Hoàng Văn	Phương	D17_KD01																						5.73	6.00		5.53	5.05		6.00	6.60	6.00	6.00	6.06	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
22	DH71700098	Nguyễn Thị Hồng	Phương	D17_KD01																						6.00	6.05		5.79	5.68		5.71	5.83	7.00	6.33	6.26	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
23	DH71701209	Huỳnh Phạm Như	Quỳnh	D17_KD01																						5.67	6.40		5.47	6.16	6.00	5.53	6.55	7.50	6.50	6.35	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
24	DH71700937	Nguyễn Hoàng	Sơn	D17_KD01																						5.00	4.40		3.91	3.58	5.50	2.86	3.96	5.60	4.19	4.65	80/125	31/46				ĐẠT	DH17
25	DH71704190	Bùi Thị Thanh	Thảo	D17_KD01																						5.53	6.85	5.00	5.68	5.77	6.00	4.81	6.15	6.33	6.09	6.33	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
26	DH71701366	Trần Thị Thu	Thảo	D17_KD01																						4.67	6.00	3.00	4.95	5.16		4.15	5.65	6.67	5.58	5.67	116/125	43/46				ĐẠT	DH17
27	DH71700031	Huỳnh Vĩnh	Thắng	D17_KD01																						3.53			0.00	0.00		0.00	0.00		0.00	0.60	2/125	1/46	BTH			BTH	DH17
28	DH71700161	Trần Đỗ Như	Thùy	D17_KD01																						4.73	5.70	3.00	5.00	5.29	6.00	4.70	6.05	6.00	6.04	6.06	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
29	DH71700516	Hứa Lâm Minh	Thư	D17_KD01																						5.80	5.94		5.79	5.20		5.19	6.36		6.52	6.17	124/125	46/46				ĐẠT	DH17
30	DH71701131	Đường Thị Cẩm	Trang	D17_KD01																						4.87	5.10	3.00	4.53	4.27	6.00	4.35	5.16	4.75	5.75	5.46	111/125	41/46				ĐẠT	DH17
31	DH71700239	Phùng Thị Ngọc	Trâm	D17_KD01																						5.27	5.65		5.41	5.26	7.00	5.13	5.10	6.00	5.43	5.51	121/125	45/46				ĐẠT	DH17
32	DH71705263	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D17_KD01																						7.20	7.50		6.89	7.05		6.00	6.30		6.28	6.77	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
33	DH71701129	Lê Thị Tường	Vy	D17_KD01																						5.47	6.20	8.00	5.21	5.68	6.00	5.59	5.55	6.50	5.96	6.18	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
34	DH71700903	Trần Thảo	Vy	D17_KD01																						5.07	6.85	8.00	6.05	6.11	7.00	5.41	5.80	6.00	6.05	6.28	122/125	45/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
35	DH71703209	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	D17_KD02																						6.40	6.85		6.68	5.89		6.57	6.85	7.00	6.71	6.74	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
36	DH71703253	Trần Đình Khánh	Duy	D17_KD02																						6.47	6.95		5.89	5.21		5.21	6.15		6.28	6.05	110/125	41/46				ĐẠT	DH17
37	DH71705111	Tống Ngọc	Duyên	D17_KD02																						8.07	8.00		6.74	8.26	9.00	7.43	7.60		7.33	7.75	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
38	DH71700346	Vũ Văn	Dương	D17_KD02																						5.67	5.45	3.00	5.42	4.53	6.00	5.00	4.90	3.60	4.11	5.31	101/125	37/46				ĐẠT	DH17
39	DH71703374	Trần Đình	Hải	D17_KD02																						5.60	7.15	7.00	6.05	6.89		6.86	7.15		6.61	6.72	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
40	DH71703454	Lê Ngọc Đức	Hậu	D17_KD02																						6.73	6.95		6.21	6.84		7.57	7.15		7.43	7.05	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
41	DH71703382	Lê Minh	Hiệp	D17_KD02																						6.47	6.65		6.79	5.00		6.13	6.70	6.00	6.86	6.51	124/125	46/46				ĐẠT	DH17
42	DH71703443	Phạm Công	Hoàng	D17_KD02																						5.80	6.00		5.53	4.79		5.31	6.26	6.33	6.54	6.24	127/125	47/46				ĐẠT	DH17
43	DH71703472	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	D17_KD02																						7.07	7.20		6.53	6.11		6.00	5.55		6.90	6.59	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
44	DH71703520	Huỳnh Lê Mỹ	Hương	D17_KD02																						5.87	7.45	8.00	6.74	6.95		6.43	7.70		7.50	7.10	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
45	DH71700360	Trương Kính	Khôn	D17_KD02																						5.80	5.85		4.84	2.42	7.00	4.44	5.57	7.00	5.70	5.47	109/125	40/46				ĐẠT	DH17
46	DH71701280	Hà Thị	Lan	D17_KD02																						5.87	5.10		4.59	4.50	6.00	5.26	5.41	4.50	6.39	5.76	117/125	43/46				ĐẠT	DH17
47	DH71703650	Phạm Thị Ngọc	Linh	D17_KD02																						7.07	7.40		7.26	7.47		7.43	7.05		7.83	7.36	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
48	DH71703658	Nguyễn Thị Hồng	Loan	D17_KD02																						5.87	4.70		4.00	5.82	6.40	6.75	6.77		6.33	6.38	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
49	DH71700082	Nguyễn Thị	Muốn	D17_KD02																						4.93	5.05	3.00	4.58	5.45	7.50	4.55	5.64	4.50	5.83	5.71	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
50	DH71700108	Dương Thị Trà	My	D17_KD02																						5.80	5.50		5.05	5.05		4.10	5.74	5.33	6.67	5.78	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
51	DH71703759	Trần Nguyệt	Nga	D17_KD02																						7.00	7.20		6.63	6.63		6.43	7.15	7.00	7.17	6.98	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
52	DH71700112	Trần Thị Mộng	Nghi	D17_KD02																						5.40	5.20		4.42	4.70	5.00	4.13	5.29	4.33	5.93	5.50	111/125	41/46				ĐẠT	DH17
53	DH71704947	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	D17_KD02																						6.73	7.35		7.16	7.26		7.79	7.15		7.72	7.30	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
54	DH71703832	Phùng Minh	Nguyên	D17_KD02																						6.60	5.90		6.53	5.84		6.38	6.75		7.52	6.57	124/125	46/46				ĐẠT	DH17
55	DH71705061	Đoàn Thị Yến	Nhi	D17_KD02																						6.53	6.15		7.58	6.41		7.79	7.90		7.11	7.11	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
56	DH71703859	Nguyễn Thị ý	Nhi	D17_KD02																						5.53	5.90	5.00	4.53	4.05	6.00	3.76	5.54	5.33	6.00	5.75	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
57	DH71703867	Trần Lê Yến	Nhi	D17_KD02																						6.27	6.30		6.95	6.47		7.43	6.95	9.00	7.24	7.01	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
58	DH71704850	Lưu Nguyễn Phú	Sĩ	D17_KD02																						6.67	6.40		5.74	6.53	6.00	6.71	7.05		6.44	6.61	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
59	DH71704091	Nguyễn Phát	Tài	D17_KD02																						7.07	7.00		7.21	6.37		7.07	7.05		6.50	6.89	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
60	DH71704100	Hoàng Thiên	Tân	D17_KD02																						6.13	6.10		5.58	5.11	5.00	5.65	6.12	0.00	6.28	6.04	116/125	43/46				ĐẠT	DH17
61	DH71704120	Mai Văn	Thái	D17_KD02																						6.33	5.30		5.79	5.16	6.00	5.44	6.12		6.48	5.99	127/125	47/46				ĐẠT	DH17
62	DH71700554	Nguyễn Trần Tuấn	Thanh	D17_KD02																						5.60	6.10	4.00	5.37	5.18	7.00	5.63	5.45	6.00	6.41	6.13	121/125	45/46				ĐẠT	DH17
63	DH71700671	La Minh	Thắng	D17_KD02																						5.33	5.50	3.00	5.05	4.05	7.00	4.88	5.43	5.50	5.93	5.69	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
64	DH71704180	Phan Văn Chiến	Thắng	D17_KD02																						4.67	1.00		5.21	4.11		2.68	6.22	5.00	6.10	4.82	82/125	30/46				ĐẠT	DH17
65	DH71704225	Lê Thị Ngọc	Thu	D17_KD02																						7.13	7.10		6.84	7.47		7.64	7.85		7.83	7.41	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
66	DH71704269	Phạm Thị Diễm	Thy	D17_KD02																						4.60	5.35	6.00	4.47	5.16	4.00	4.14	4.93	5.67	5.56	5.58	111/125	41/46				ĐẠT	DH17
67	DH71704284	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	D17_KD02																						6.53	6.95		6.74	6.95		5.57	7.15		7.06	6.76	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
68	DH71704911	Hồ Trung	Tín	D17_KD02																						5.47	6.15		5.79	6.47	8.50	6.86	7.15		6.72	6.62	125/125	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
69	DH71701417	Nguyễn Công	Tín	D17_KD02																						5.20	5.50		4.64	4.75	4.00	5.00	4.43		5.33	5.23	104/125	39/46				ĐẠT	DH17
70	DH71704379	Lê Minh	Triết	D17_KD02																						5.93	5.90		6.42	5.05		5.93	6.31	7.00	6.61	6.21	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
71	DH71704374	Nguyễn Lê Phương	Trinh	D17_KD02																						8.20	6.90		6.53	6.89		6.79	7.60		7.56	7.19	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
72	DH71700199	Lê Thị Thanh	Trúc	D17_KD02																						5.07	6.40	4.00	5.83	6.05	8.50	5.50	6.40	6.00	6.22	6.49	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
73	DH71704514	Trương Thị Thanh	Vân	D17_KD02																						6.67	6.60		5.84	5.32		6.57	6.64		6.61	6.41	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
74	DH71704522	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D17_KD02																						7.07	7.30		7.05	7.47		6.50	6.80		7.62	7.22	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
75	DH71704557	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	D17_KD02																						7.00	7.65		6.89	7.79		6.86	7.25		7.33	7.28	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
76	DH71701263	Sầm Mỹ	Chân	D17_KD03																						5.00	4.45		4.53	4.55	5.50	3.94	5.56	6.00	4.79	5.32	110/125	41/46				ĐẠT	DH17
77	DH71703217	Lê Thị Phương	Dung	D17_KD03																						6.67	7.05		7.21	7.21		7.21	6.85		7.72	7.14	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
78	DH71703224	Bùi Chí	Dũng	D17_KD03																						7.00	7.20		6.63	7.37		6.79	7.55		6.89	7.08	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
79	DH71703414	Tống Thị Mỹ	Hồng	D17_KD03																						6.27	6.00		5.42	5.32	6.00	6.07	6.31		6.22	6.22	123/125	45/46				ĐẠT	DH17
80	DH71703500	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D17_KD03																						5.60	6.50		6.37	6.74		5.43	6.40	6.00	6.28	6.31	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
81	DH71702100	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	D17_KD03																						5.27	5.30		5.16	5.05		4.25	6.23		5.75	5.58	113/125	42/46				ĐẠT	DH17
82	DH71701491	Đào Thị Ngọc	Long	D17_KD03																						4.13	5.35	5.00	4.64	3.91		5.46	5.38	5.50	5.79	5.58	116/125	43/46				ĐẠT	DH17
83	DH71700164	Dương Trung	Nghĩa	D17_KD03																						3.33	3.50		3.22	1.50		4.64	5.48	6.00	4.93	4.83	99/125	36/46				ĐẠT	DH17
84	DH71703856	Nguyễn Mai Tâm	Nhi	D17_KD03																						5.80	6.00	7.00	5.68	5.33	4.00	6.24	5.43		5.81	6.13	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
85	DH71701118	Phạm Thị Mai	Nhi	D17_KD03																						5.07	6.35	5.00	5.47	5.79		6.29	6.10		6.62	6.21	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
86	DH71700209	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D17_KD03																						4.67	5.45		4.68	5.50	5.00	4.65	5.45	6.33	5.54	5.66	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
87	DH71703950	Phạm Thanh	Phong	D17_KD03																						5.13	5.65	6.00	5.32	4.58	6.00	5.64	5.65	7.00	5.29	5.70	110/125	41/46				ĐẠT	DH17
88	DH71704059	Võ Văn	Sáng	D17_KD03																						6.40	6.55		6.37	7.26	8.00	7.21	7.00		6.17	6.82	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
89	DH71700264	Nguyễn Duy	Sơn	D17_KD03																						5.40	5.50	5.00	5.00	4.86	5.00	4.65	5.80	6.00	5.29	5.47	114/125	42/46				ĐẠT	DH17
90	DH71700405	Nguyễn Thái Thanh	Tâm	D17_KD03																						5.67	5.25	4.00	5.37	4.82	4.50	4.12	5.65	6.00	4.92	5.46	113/125	42/46				ĐẠT	DH17
91	DH71704141	Trần Quốc	Thanh	D17_KD03																						6.27	6.10		5.63	5.00	4.00	6.53	7.19	7.00	6.33	6.47	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
92	DH71704191	Bùi Thị Thanh	Thảo	D17_KD03																						6.20	6.60		7.37	7.37		7.21	6.55		8.06	7.06	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
93	DH71701938	La Thị Ngọc	Thảo	D17_KD03																						5.93	6.50		5.79	6.46	9.00	6.75	7.00		6.62	6.87	127/125	47/46				ĐẠT	DH17
94	DH71700927	Đoàn Cẩm	Tiên	D17_KD03																						4.67	4.90	3.00	4.63	4.45		5.04	5.73	5.55	5.63	5.65	116/125	43/46				ĐẠT	DH17
95	DH71704304	Lê Phước	Tình	D17_KD03																						5.87	5.95		6.05	5.16	7.00	5.21	7.35	7.00	6.56	6.39	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
96	DH71701940	Đặng Võ Thùy	Trang	D17_KD03																						6.53	6.75		6.11	7.24		5.63	7.15	8.00	7.00	6.83	127/125	47/46				ĐẠT	DH17
97	DH71701902	Mai Thị Tuyết	Trinh	D17_KD03																						4.80	3.50		2.79	2.74	4.20	5.19	4.94	4.27	3.05	4.54	69/125	25/46	CB_BTH_1	NoHP		DC	DH17
98	DH71700286	Nguyễn Minh	Trường	D17_KD03																						5.87	6.35		6.21	5.68		4.94	5.96	7.00	6.22	6.13	124/125	46/46				ĐẠT	DH17
99	DH71700947	Lê Thị Thanh	Vy	D17_KD03																						6.20	7.15		6.16	6.42		6.21	6.70		6.90	6.63	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
100	DH71700940	Trần Tấn	An	D17_MAR01																						5.20	5.35	2.00	5.37	5.23	7.00	5.17	4.95	6.00	6.44	5.71	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
101	DH71700311	Lâm Đặng Hồng	Ân	D17_MAR01																						5.07	4.70	3.00	4.47	2.79		4.13	6.00	6.00	5.38	5.08	96/126	35/46				ĐẠT	DH17
102	DH71700636	Huỳnh Minh	Chí	D17_MAR01																						5.60	6.65	6.00	6.05	6.16		6.33	6.71		6.67	6.40	126/126	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
103	DH71700183	Dương Đức	Công	D17_MAR01																						5.33	5.00	5.00	5.00	6.37	7.00	6.43	7.20		6.89	6.41	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
104	DH71701359	Huỳnh Phú	Cường	D17_MAR01																						4.47	5.15	2.00	4.42	4.26		4.48	4.88	4.00	5.00	4.87	88/126	33/46				ĐẠT	DH17
105	DH71702141	Trần Tấn	Cường	D17_MAR01																						4.33	4.85		5.05	4.41		4.11	5.26	5.00	5.38	5.13	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
106	DH71700174	Diệp Thu	Dinh	D17_MAR01																						5.53	6.15	6.00	5.58	5.95	7.00	5.71	6.35		6.62	6.21	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
107	DH71700026	Giang Ngọc	Đào	D17_MAR01																						5.73	5.85	7.00	5.23	4.21	7.00	4.83	5.90	6.00	6.67	6.05	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
108	DH71700040	Nguyễn Phúc	Đạt	D17_MAR01																						5.53	6.25	4.00	6.05	6.26	8.00	6.29	6.71		7.06	6.47	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
109	DH71600291	Khương Công Minh	Đức	D17_MAR01																						2.83	4.75		5.88	5.18		4.50	5.53		5.71	5.06	102/126	38/46				CB_TGIAN	DH16
110	DH71700028	0	Hapsrah	D17_MAR01																						5.80	6.00		5.32	5.84	7.00	5.29	5.84	5.50	6.00	5.98	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
111	DH71700211	Phạm Phúc	Hậu	D17_MAR01																						4.60	4.80	2.00	4.47	3.09	0.00	4.33	5.08		5.85	4.95	88/126	33/46				ĐẠT	DH17
112	DH71701040	Phạm Thị Thu	Hoa	D17_MAR01																						6.53	5.85		6.00	7.47		6.29	6.94	8.00	7.22	6.90	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
113	DH71700470	Nguyễn Bình	Hòa	D17_MAR01																						4.93	5.40	4.00	4.68	5.41		5.13	5.15	5.00	6.00	5.79	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
114	DH71700351	Vũ Đỗ Huy	Hoàng	D17_MAR01																						4.40	5.10	3.00	4.58	3.47		4.33	5.45	4.50	5.48	5.04	88/126	33/46				ĐẠT	DH17
115	DH71700538	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Hồng	D17_MAR01																						5.30	4.56		4.32	4.52		5.11	5.62	4.50	6.07	5.37	136/126	53/46				ĐẠT	DH17
116	DH71700291	Hoàng	Hùng	D17_MAR01																						4.93	5.50	4.00	4.89	3.32		4.25	5.35	6.00	5.29	5.14	95/126	35/46				ĐẠT	DH17
117	DH71700007	Lê Nhật	Huy	D17_MAR01																						3.07	3.60	0.00	4.74	4.64	1.50		0.00		2.00	3.33	34/126	14/46	CB_BTH_1			CB_BTH	DH17
118	DH71603441	Nguyễn Hoàng	Huy	D17_MAR01																						4.91	5.23		3.47	3.37		4.22	4.79	5.50	5.70	5.32	106/126	39/46				CB_TGIAN	DH16
119	DH71704829	Trần Thị Thu	Huyền	D17_MAR01																						6.20	7.10		6.79	6.42		6.17	6.71	6.00	7.06	6.70	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
120	DH71601768	Đỗ Hoàng	Huynh	D17_MAR01																			5.93	4.30		0.00	4.50		5.88	4.21		2.00	5.59	5.00	5.54	4.39	87/126	33/46				CB_TGIAN	DH16
121	DH71700505	Lê Thị Thanh	Hương	D17_MAR01																						5.53	5.70	5.00	5.16	5.59	7.00	5.14	5.88	5.00	6.33	5.87	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
122	DH71700205	Trương Hoàng	Khả	D17_MAR01																						4.13	5.20	2.00	4.68	3.47		4.39	5.43	5.50	5.38	5.07	86/126	32/46				ĐẠT	DH17
123	DH71700283	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Kim	D17_MAR01																						5.80	6.15	4.00	4.68	5.26	6.50	5.50	6.00		6.24	5.94	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
124	DH71700879	Trần Văn	Lam	D17_MAR01																						4.47	5.45		4.60	4.18		3.75	5.78	5.67	5.43	5.53	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
125	DH71700210	Nguyễn Văn	Lâm	D17_MAR01																						4.93	5.40	2.00	4.89	5.00	6.00	4.25	5.85	6.00	6.46	5.83	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
126	DH71700280	Lương Bảo	Lân	D17_MAR01																						5.27	5.30		3.91	3.18		2.63	5.30	3.50	3.74	4.63	85/126	32/46				ĐẠT	DH17
127	DH71700745	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D17_MAR01																						4.67	5.70	4.00	4.55	4.86		4.43	5.24	5.00	4.42	5.10	94/126	35/46				ĐẠT	DH17
128	DH71700013	Trần Thị ánh	Linh	D17_MAR01																						5.53	5.05		4.11	4.46		4.75	5.18	4.50	5.57	5.23	97/126	36/46				ĐẠT	DH17
129	DH71700037	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	D17_MAR01																						6.60	7.25		6.47	6.89	7.00	6.00	6.35	5.00	6.72	6.72	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
130	DH71700050	Nguyễn Thái Kim	Long	D17_MAR01																						5.13	5.50	3.00	4.47	4.74		4.17	5.59	4.00	5.88	5.26	100/126	37/46				ĐẠT	DH17
131	DH71700034	Nguyễn Thành	Long	D17_MAR01																						5.40	5.40		5.26	5.54		4.63	4.85	6.00	6.00	5.79	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
132	DH71700914	Nguyễn Hữu	Lộc	D17_MAR01																						3.67	4.75	4.00	5.10	3.96	7.00	4.00	5.65	5.00	5.77	5.47	108/126	40/46				ĐẠT	DH17
133	DH71704876	Nguyễn Thành	Luân	D17_MAR01																						6.13	5.90		5.05	4.82		4.63	5.30	5.00	5.83	5.84	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
134	DH71700222	Bùi Hoàng Trúc	Ly	D17_MAR01																						5.20	5.50	4.00	4.58	4.91	5.00	3.50	4.28	4.00	5.89	5.14	99/126	37/46				ĐẠT	DH17
135	DH71700630	Võ Thị Kiều	Mi	D17_MAR01																						4.20	5.70	4.00	4.36	5.14	6.00	4.58	5.65	5.33	6.00	5.67	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
136	DH71701157	Nguyễn Nhật	Minh	D17_MAR01																						7.33	7.45		7.47	7.89		7.50	7.00		7.72	7.49	126/126	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
137	DH71700012	Phan Thị Kim	Ngân	D17_MAR01																						5.87	5.50		1.89	5.73	8.00	5.28	5.24	6.50	6.57	5.94	121/126	44/46				ĐẠT	DH17
138	DH71700263	Trần Đại	Nghĩa	D17_MAR01																						5.47	5.75		3.59	2.64		3.30	5.27	4.00	4.63	5.08	86/126	32/46				ĐẠT	DH17
139	DH71700260	Đặng Hào	Nguyên	D17_MAR01																						5.60	6.20		5.47	5.42		5.50	5.82		6.50	5.89	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
140	DH71702444	Nguyễn Hữu	Nhân	D17_MAR01																						4.40	5.65		5.42	4.00		4.11	5.32	4.00	6.00	5.40	106/126	39/46				ĐẠT	DH17
141	DH71700670	Huỳnh Quang Uyển	Nhi	D17_MAR01																						5.53	5.45	0.00	5.05	4.45		5.29	5.47	4.50	6.05	5.64	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
142	DH71703903	Lê Phùng Hoàng Tuyết	Như	D17_MAR01																						6.67	7.85	8.00	6.79	7.21		7.17	7.47		8.00	7.42	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
143	DH71700200	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D17_MAR01																						4.80	5.70		4.79	4.00		3.88	5.26	7.00	5.93	5.39	103/126	38/46				ĐẠT	DH17
144	DH71700212	Nguyễn Thị Quỳnh	Ny	D17_MAR01																						4.80	5.40		6.24			4.71	5.96	4.50	6.06	5.97	109/126	40/46				ĐẠT	DH17
145	DH71704959	Âu Nguyễn Trung	Phong	D17_MAR01																						5.00	4.50		4.00	3.97		5.56	5.87	7.50	6.88	6.02	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
146	DH71701370	Lê Đại	Phú	D17_MAR01																						5.07	4.80		5.09	4.14		4.00	5.39	5.00	5.30	5.22	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
147	DH71703991	Lê Vũ Ngọc	Phương	D17_MAR01																						8.80	8.85		8.26	8.74		8.83	8.29		8.83	8.66	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
148	DH71601268	Bùi Văn	Sang	D17_MAR01																			6.00	4.95		5.47	0.00			4.94		5.83	6.21	6.67	6.73	5.48	107/126	40/46				CB_TGIAN	DH16
149	DH71700221	Diệp Lâm	Sinh	D17_MAR01																						4.47	4.50		4.42	4.72	5.00	5.72			6.22	5.34	85/126	32/46				ĐẠT	DH17
150	DH71704862	Lê Bá	Thanh	D17_MAR01																						6.47	4.70		6.11	6.44	7.00	6.26	5.94		6.33	6.33	125/126	46/46				ĐẠT	DH17
151	DH71704203	Phạm Ngọc Xuân	Thảo	D17_MAR01																						7.20	7.75		6.68	7.11		6.83	7.00	7.00	7.72	7.29	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
152	DH71700261	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	D17_MAR01																						4.27	5.75		4.68	3.73		3.63	5.11	4.50	5.25	5.00	97/126	36/46				ĐẠT	DH17
153	DH71600211	Nguyễn Nhật Thy	Thy	D17_MAR01																			5.40	1.35					3.16	4.24		4.63	4.88		0.00	3.58	70/126	25/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC & CB_TGIAN	DH16
154	DH71700535	Nguyễn Phụng	Tiên	D17_MAR01																						4.93	6.05	5.00	5.05	5.21	6.00	4.71	5.35	5.50	6.28	5.62	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
155	DH71603588	Châu Văn	Toàn	D17_MAR01																				1.20	0.00	0.50	0.55		2.70	0.00	7.00	3.78	4.52	6.00	5.31	3.89	79/126	29/46				CB_TGIAN	DH16
156	DH71704848	Võ Thị Tuyết	Trang	D17_MAR01																						6.60	6.50		5.26	6.32	7.00	6.20	6.53		6.67	6.41	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
157	DH71704950	Võ Thị Thùy	Trâm	D17_MAR01																						5.95	5.08	0.00	2.00	5.41		5.69	6.13	5.00	6.50	5.89	149/126	57/46				ĐẠT	DH17
158	DH71700194	Đặng Thị Cẩm	Tú	D17_MAR01																						6.40	6.40		5.63	6.11	7.00	5.50	6.00	7.00	6.50	6.24	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
159	DH71702773	Lê Huỳnh Khánh	Vân	D17_MAR01																						5.53	6.20		6.21	7.32		6.57	6.65		7.39	6.63	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
160	DH71700773	Nguyễn Thành	Vinh	D17_MAR01																						4.13	4.70		2.76	2.37		3.22	4.08		0.26	3.22	39/126	15/46	CB_BTH_1	NoHP		DC	DH17
161	DH71700244	Đặng Ngọc Thúy	Vy	D17_MAR01																						5.87	5.95		4.84	6.00	7.00	6.13	6.18	7.00	6.89	6.29	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
162	DH71600180	Ngô Minh Phương	Vy	D17_MAR01																			6.20	1.60	0.00		5.15	1.00	5.26	3.58	6.00	3.89	5.85	5.00	5.25	4.99	114/126	41/46				CB_TGIAN	DH16
163	DH71700669	Nguyễn Thị	Yến	D17_MAR01																						5.60	6.20	5.00	6.05	5.82	6.00	5.83	5.82		6.05	6.13	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
164	DH71701966	Lê Thị Mỹ	Duyên	D17_MAR02																						5.20	5.95	2.00	3.55	3.37		4.25	5.30		6.20	5.29	103/126	38/46				ĐẠT	DH17
165	DH71700089	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng	D17_MAR02																						4.73	5.60		4.50	5.11	6.00	5.26	6.47	6.00	6.38	5.92	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
166	DH71705222	Lưu Chí	Điệp	D17_MAR02																						5.67	6.35	3.00	5.00	6.37		5.07	5.65	6.67	6.14	6.15	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
167	DH71702201	Nguyễn Thị Trúc	Giang	D17_MAR02																						5.27	6.00	2.00	4.89	5.37	6.00	4.13	5.82	6.00	6.25	5.91	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
168	DH71704891	Trần Nhựt Huỳnh	Giao	D17_MAR02																						5.40	5.20	4.00	5.21	6.47	5.00	5.00	6.00	5.00	6.29	5.97	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
169	DH71700641	Nguyễn Thị Ngân	Hà	D17_MAR02																						4.27	3.90		1.29	1.37		0.00	4.12	5.00	4.07	3.28	41/126	15/46				ĐẠT	DH17
170	DH71702404	Lâm Nhật	Hào	D17_MAR02																						5.33	6.20	6.00	5.74	6.47	7.00	5.14	6.35	7.50	6.67	6.41	126/126	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
171	DH71701451	Lâm Thanh	Hiền	D17_MAR02																						4.93	5.45	6.00	5.26	4.13		3.86	5.05	7.00	5.04	5.18	97/126	35/46				ĐẠT	DH17
172	DH71701672	Huỳnh Khánh	Hùng	D17_MAR02																						5.40	6.40	3.00	4.79	6.16	7.00	5.63	6.00		5.76	6.01	124/126	45/46				ĐẠT	DH17
173	DH71701713	Nguyễn Thị Kim	Hương	D17_MAR02																						5.73	6.10	5.00	4.79	5.74	7.00	5.83	6.71	6.00	7.00	6.24	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
174	DH71700677	Nguyễn Đăng	Khoa	D17_MAR02																						5.73	6.20		5.26	3.68		4.86	4.73	5.33	5.67	5.58	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
175	DH71704926	Nguyễn Trung	Kiên	D17_MAR02																						5.40	4.85		3.05	2.95	5.00	4.13	5.00	5.00	5.95	5.20	106/126	39/46				ĐẠT	DH17
176	DH71703636	Lê Nhật	Linh	D17_MAR02																						7.00	7.10		7.00	7.47		7.67	7.65		7.22	7.30	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
177	DH71700517	Nguyễn Thị Hải	Linh	D17_MAR02																						4.53	5.50	4.00	4.30	4.47	8.00	4.38	6.08	5.00	5.62	5.56	114/126	42/46				ĐẠT	DH17
178	DH71701656	Nguyễn Võ Khánh	Linh	D17_MAR02																						5.80	5.80		5.79	6.58	7.00	6.17	6.65		6.22	6.21	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
179	DH71701444	Trần Thị Phương	Linh	D17_MAR02																						4.93	6.20	4.00	5.19	6.05	7.50	5.25	6.71	6.00	6.33	6.33	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
180	DH71700708	Tăng Thành	Lộc	D17_MAR02																						5.40	6.10	5.00	6.05	5.55		5.43	5.71	4.50	6.61	6.13	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
181	DH71701621	Bùi Thị	Lý	D17_MAR02																						5.93	6.40	5.00	5.26	6.53	8.00	5.83	7.06	7.00	6.50	6.45	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
182	DH71701979	Trần Ngọc	Mai	D17_MAR02																						6.13	6.15		5.05	5.00		5.29	5.68	7.00	7.00	6.05	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
183	DH71702414	Lê Anh	Minh	D17_MAR02																						4.93	5.45	4.00	4.77	5.82	7.50	4.38	4.90	8.00	6.04	5.87	115/126	42/46				ĐẠT	DH17
184	DH71702405	Lương Thiện	My	D17_MAR02																						5.73	6.60		5.89	6.58	8.00	5.83	6.59	7.00	6.50	6.48	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
185	DH71701409	Lâm Gia	Mỹ	D17_MAR02																						5.33	5.10	7.00	5.26	5.11	7.00	5.17	6.52		5.71	5.88	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
186	DH71701026	Huỳnh Lê Huy	Nam	D17_MAR02																						4.53	5.05	1.00	3.53	4.95		4.25	5.26	4.67	5.31	5.21	99/126	37/46				ĐẠT	DH17
187	DH71703774	Nguyễn Thị Bích	Ngân	D17_MAR02																						6.33	6.85		5.79	6.74	6.00	5.50	6.06	6.00	6.94	6.47	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
188	DH71701644	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D17_MAR02																						6.67	6.45		6.37	6.37	6.00	6.67	7.35		7.00	6.73	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
189	DH71701478	Đào Đức	Nhân	D17_MAR02																						5.67	6.10	6.00	5.42	5.00	7.00	5.14	5.88	5.00	5.83	5.94	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
190	DH71701963	Nguyễn Trọng	Nhân	D17_MAR02																						5.53	5.50	2.00	5.11	5.24		4.89	5.15	6.50	6.00	5.69	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
191	DH71701159	Bùi Thị ý	Nhi	D17_MAR02																						4.87	6.50		5.73	6.84		6.67	6.82		6.94	6.44	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
192	DH71701143	Bùi Thị Yến	Nhi	D17_MAR02																						5.20	5.45	3.00	5.42	5.18	5.50	4.86	5.53	5.33	6.17	5.76	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
193	DH71700389	Phan Lê Quỳnh	Như	D17_MAR02																						6.47	6.25		5.84	6.00	7.00	5.57	6.53	8.00	6.94	6.56	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
194	DH71704859	Ôn Vĩnh	Phong	D17_MAR02																						6.07	7.20		5.53	6.47	7.00	5.00	6.35	8.00	6.57	6.48	124/126	45/46				ĐẠT	DH17
195	DH71701432	Lê Thị Ngọc	Phượng	D17_MAR02																						5.27	5.95	4.00	5.16	5.18	6.50	4.57	5.88	5.33	6.14	6.00	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
196	DH71702152	Nguyễn Hồng	Sơn	D17_MAR02																						5.53	6.20	5.00	5.79	6.16	7.00	5.83	6.18		6.44	6.13	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
197	DH71701746	Bùi Tuấn	Tài	D17_MAR02																						5.80	6.60		5.74	6.53	6.00	6.00	6.41	7.00	7.00	6.43	126/126	46/46			KoDKMH	DC	DH17
198	DH71701961	Lê Bửu	Tài	D17_MAR02																						5.00	4.95	2.00	2.00	0.74		0.50	0.00		0.00	1.87	25/126	10/46	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
199	DH71702166	Nguyễn Phan Thành	Tấn	D17_MAR02																						5.00	5.60	5.00	6.21	6.77	9.00	5.33	5.88	7.00	6.83	6.35	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
200	DH71700481	Trần Thị	Thảo	D17_MAR02																						5.47	5.80	3.00	5.74	5.16	5.50	5.14	6.20	4.67	6.67	6.08	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
201	DH71702220	Đoàn Ngọc	Thuận	D17_MAR02																						5.27	5.80	3.00	5.26	5.24	7.00	4.13	5.64	4.50	6.14	5.86	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
202	DH71700197	Phan Thị Hồng	Tiên	D17_MAR02																						5.80	7.20		6.00	6.58	8.00	7.00	7.12		6.33	6.69	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
203	DH71702097	Nguyễn Thị	Trang	D17_MAR02																						6.13	6.50	6.00	5.68	6.32		5.50	6.40	6.00	7.22	6.48	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
204	DH71704442	Huỳnh Ngọc Anh	Tuấn	D17_MAR02																						5.93	5.70	0.00	4.95	6.26	8.00	4.22	5.18	6.00	5.75	5.98	114/126	42/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
205	DH71701077	Nguyễn Kiều	Tuấn	D17_MAR02																						4.73	5.90		3.74	4.63	6.00	4.13	5.88	6.67	5.52	5.62	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
206	DH71701702	Phạm Bách	Tùng	D17_MAR02																						5.40	6.05		4.26	6.00		6.10	6.12	7.00	6.61	6.21	124/126	45/46				ĐẠT	DH17
207	DH71701380	Nguyễn Ngọc Phượng	Uyên	D17_MAR02																						6.33	5.60		6.58	6.00		5.83	5.82	6.00	6.33	6.19	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
208	DH71702394	Nguyễn Tuấn	Vỹ	D17_MAR02																						5.07	4.70	3.00	4.32	4.27	0.00	4.61	5.30	2.50	4.63	4.89	92/126	34/46				ĐẠT	DH17
209	DH71703089	Nguyễn Thị Minh	Anh	D17_MAR03																						6.00	5.90	7.00	5.95	5.58		5.00	6.65	5.50	6.19	6.17	115/126	42/46				ĐẠT	DH17
210	DH71703094	Nguyễn Tuấn	Anh	D17_MAR03																						4.47	4.45		4.00	4.68		6.00	6.00	4.50	5.33	5.57	89/126	33/46				ĐẠT	DH17
211	DH71701009	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D17_MAR03																						5.67	4.95		4.53	5.13	6.50	5.87	6.48	6.50	6.75	6.35	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
212	DH71701802	Trịnh Công	Bảo	D17_MAR03																						6.53	6.50		5.89	5.16	5.00	5.17	6.90	6.50	6.67	6.43	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
213	DH71703153	Nguyễn Ngọc	Châu	D17_MAR03																						7.13	6.75		7.26	7.26		6.67	7.18	7.00	7.00	7.10	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
214	DH71701840	Huỳnh Phượng	Chi	D17_MAR03																						5.13	5.15	5.00	4.68	5.58	3.00	3.50	5.11	4.40	6.17	5.47	105/126	39/46				ĐẠT	DH17
215	DH71703176	Nguyễn Văn	Chung	D17_MAR03																						6.00	5.90		6.68	6.26		6.00	6.60	6.00	6.39	6.42	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
216	DH71701821	Thái Bội	Dung	D17_MAR03																						6.47	5.65		5.26	4.95	7.00	5.33	6.20	5.50	6.39	6.03	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
217	DH71703275	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D17_MAR03																						7.40	7.30		7.00	7.36		7.17	7.76		7.28	7.40	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
218	DH71703338	Vũ Thị Kim	Giàu	D17_MAR03																						5.27	5.25	0.00	4.53	4.26		5.14	6.04	4.67	4.63	5.51	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
219	DH71703342	Lê Hoàng Ngọc	Hà	D17_MAR03																						6.00	4.85		7.14	7.19		6.67	6.75	0.00	7.05	6.89	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
220	DH71703367	La Chí	Hải	D17_MAR03																						5.80	6.45		6.70	6.53		6.17	6.71		6.83	6.56	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
221	DH71703372	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	D17_MAR03																						5.33	4.70		5.21	5.36	5.00	4.50	6.10	5.50	6.43	5.85	114/126	42/46				ĐẠT	DH17
222	DH71701916	Hồng	Hân	D17_MAR03																						4.40	4.85		4.36	3.92	6.50	4.88	5.13	4.00	5.43	5.20	100/126	36/46				ĐẠT	DH17
223	DH71703359	Nguyễn Hoàng Hồng	Hân	D17_MAR03																						5.87	6.10	6.00	6.00	5.23		5.17	5.85	6.00	6.00	5.96	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
224	DH71703522	Nguyễn Thị Xuân	Hương	D17_MAR03																						7.60	7.65		5.53	4.82	8.00	6.00	6.14	6.50	6.55	6.87	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
225	DH71701903	Diệp Huệ	Linh	D17_MAR03																						5.33	5.70	7.00	3.89	3.95	5.00	5.00	4.95	5.00	0.67	4.53	77/126	28/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
226	DH71703635	Lâm Khánh	Linh	D17_MAR03																						5.87	6.15		5.89	6.23	4.50	5.67	5.82	6.00	5.83	6.08	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
227	DH71705008	Nguyễn Thị	Lưu	D17_MAR03																						7.73	8.30		7.63	8.11		7.50	7.76		8.11	7.89	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
228	DH71703769	Lê Ngọc Kim	Ngân	D17_MAR03																						8.00	8.30		7.05	7.11		6.67	7.41		7.56	7.44	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
229	DH71704832	Trần Thị Phương	Ngân	D17_MAR03																						6.20	6.30		4.53	5.26	7.00	6.50	6.53	6.00	6.87	6.43	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
230	DH71703806	Trần Thị Phượng	Nghi	D17_MAR03																						6.33	6.25		6.42	5.58		5.50	6.82	8.00	6.22	6.34	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
231	DH71600506	Trương Hoàng	Nguyên	D17_MAR03																			5.27				5.70		4.53	3.81	4.00	5.20	4.68	6.00	5.63	5.38	98/126	36/46				CB_TGIAN	DH16
232	DH71704899	Trần Tuyết	Nhi	D17_MAR03																						5.67	5.85	5.00	3.89	4.32	5.00	4.43	4.25	5.00	5.92	5.51	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
233	DH71702118	Lê Thị Ngọc	Như	D17_MAR03																						5.93	4.90	4.00	5.42	5.65	6.50	6.13	6.90	5.50	6.67	6.38	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
234	DH71703889	Võ Minh	Nhựt	D17_MAR03																						5.80	6.65	9.00	5.89	5.53		5.83	6.45	5.00	6.39	6.29	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
235	DH71704927	Nguyễn Nghiệp	Phát	D17_MAR03																						5.60	5.15		4.95	5.45		5.17	6.76		6.00	5.62	108/126	40/46				ĐẠT	DH17
236	DH71703932	Tăng Chí	Phát	D17_MAR03																						6.73	6.60	9.00	7.11	6.79		6.00	6.76		6.56	6.77	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
237	DH71702671	Trần Văn	Phi	D17_MAR03																						4.20	5.00		4.00	4.53	6.00	4.15	5.30	5.00	5.96	5.46	107/126	39/46				ĐẠT	DH17
238	DH71703986	Trần Thị Bạch	Phượng	D17_MAR03																						5.93	5.75		5.95	4.82		6.50	6.36	6.00	6.22	6.13	121/126	44/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
239	DH71704906	Lâm Như	Quỳnh	D17_MAR03																						5.53	5.80		5.37	3.89		5.00	6.52	5.50	6.62	6.10	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
240	DH71704027	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	D17_MAR03																						3.40			2.84	1.30	0.00	4.14	6.52	6.00	6.05	4.67	78/126	28/46				ĐẠT	DH17
241	DH71702285	Lưu Minh	Tâm	D17_MAR03																						5.93	6.50	5.00	5.16	5.21	7.00	6.50	6.76	7.00	7.56	6.58	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
242	DH71702085	Trần Ngọc	Thành	D17_MAR03																						5.87	5.95		5.37	6.26	7.00	6.17	7.60	6.00	7.33	6.65	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
243	DH71702230	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	D17_MAR03																						5.80	5.55		3.79			5.38	6.16	7.00	6.50	6.16	107/126	39/46				ĐẠT	DH17
244	DH71702155	Nguyễn Vũ Hồng	Thắm	D17_MAR03																						5.47	5.90	7.00	6.00	4.50		3.75	5.60	4.00	5.90	5.71	111/126	41/46				ĐẠT	DH17
245	DH71702226	Phan Nguyễn Hoàng	Thuận	D17_MAR03																						4.47	4.75		3.59	4.74	6.00	3.75	5.17	5.50	5.74	5.40	110/126	40/46				ĐẠT	DH17
246	DH71702351	Lê Phương	Thùy	D17_MAR03																						5.33	4.65		5.00	6.00	6.00	5.86	6.87	6.50	6.44	6.30	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
247	DH71702258	Phạm Thị Minh	Thùy	D17_MAR03																						6.60	6.25		6.37	6.37		6.00	5.88		6.28	6.25	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
248	DH71701951	Lê Phạm Trúc	Tiên	D17_MAR03																						5.93	6.20	5.00	6.00	6.74		6.67	6.82		6.89	6.52	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
249	DH71704323	Võ Thị Phương	Trà	D17_MAR03																						5.73	6.55	9.00	6.21	7.47		6.57	7.41		6.94	6.92	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
250	DH71704330	Ngô Thị Thùy	Trang	D17_MAR03																						8.47	8.65		8.42	8.11		8.33	7.59		7.44	8.15	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
251	DH71705228	Trần Thị Thu	Trang	D17_MAR03																						6.67	6.60		5.79	6.37	7.00	6.00	6.53		6.67	6.44	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
252	DH71704369	Châu Tuyết	Trinh	D17_MAR03																						5.67	5.75	8.00	6.21	5.68	6.00	6.00	6.00		6.89	6.24	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
253	DH71704843	Đào Ngọc Phương	Trinh	D17_MAR03																						5.20	5.55	2.00	5.37	4.91	8.00	5.14	5.60	4.50	5.67	5.68	115/126	42/46				ĐẠT	DH17
254	DH71704447	Nguyễn Dương Trường	Tuấn	D17_MAR03																						5.27	5.30		5.23	5.74		5.50	5.95	5.50	6.00	5.83	110/126	40/46				ĐẠT	DH17
255	DH71704494	Huỳnh Tú	Uyên	D17_MAR03																						6.47	7.15	8.00	7.32	6.58		7.00	7.18		6.94	7.06	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
256	DH71704500	Phan Huỳnh Thảo	Uyên	D17_MAR03																						5.60	6.05	8.00	5.89	5.68	5.00	5.33	6.18		6.33	6.07	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
257	DH71704504	Trịnh Hà Tú	Uyên	D17_MAR03																						7.60	6.95		5.47	5.68	7.00	6.67	6.18	7.00	6.43	6.74	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
258	DH71704540	Vũ Phan Thanh	Vinh	D17_MAR03																						5.33	4.85		4.84	3.42		4.89	6.44	4.50	6.25	5.85	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
259	DH71702411	Nguyễn Thảo	Vy	D17_MAR03																						6.27	4.70		2.58	2.73		4.86	4.83	5.00	5.86	4.93	92/126	34/46				ĐẠT	DH17
260	DH71702693	Phan Thị Diễm	ý	D17_MAR03																						3.93	4.85	4.00	4.63	3.50	2.50	3.52	4.42	4.50	5.14	4.77	78/126	29/46				ĐẠT	DH17
261	DH71701775	Nguyễn Trường	An	D17_MAR04																						5.40	5.30	8.00	5.32	5.05	7.00	5.50	5.65	5.67	6.00	5.83	121/126	44/46				ĐẠT	DH17
262	DH71703076	Huỳnh Thị Hoàng	Anh	D17_MAR04																						6.40	6.10		5.21	6.05		5.86	4.80	5.00	5.61	5.87	118/126	43/46				ĐẠT	DH17
263	DH71703083	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	D17_MAR04																						6.53	6.05		5.89	6.71	5.00	6.00	7.30	5.00	6.83	6.65	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
264	DH71703125	Nguyễn Thanh	Bình	D17_MAR04																						6.73	6.35		6.00	5.68	6.00	5.00	6.75	6.00	6.10	6.40	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
265	DH71703207	Nguyễn Công	Danh	D17_MAR04																						6.87	6.50		6.84	6.84		6.50	7.00		7.00	6.79	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
266	DH71703222	Trần Thị Kiều	Dung	D17_MAR04																						7.13	7.55	9.00	7.68	6.79		7.83	8.00		8.11	7.71	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
267	DH71703257	Cao Nguyễn Minh	Duyên	D17_MAR04																						7.00	6.80		6.42	6.68	7.00	6.33	7.65	6.00	7.00	6.94	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
268	DH71703263	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D17_MAR04																						6.27	6.30		5.84	5.95		6.00	6.71	6.00	7.28	6.44	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
269	DH71703315	Lê Đình	Đạt	D17_MAR04																						5.27	5.10	6.00	4.89	4.86	5.00	5.71	5.70		6.52	5.80	117/126	43/46				ĐẠT	DH17
270	DH71703343	Lê Thị Mỹ	Hà	D17_MAR04																						6.00	6.00	8.00	6.16	5.50		5.50	6.71		6.76	6.28	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
271	DH71701345	Phạm Thị Minh	Hậu	D17_MAR04																						5.40	5.40		5.74	5.79	6.00	6.17	7.40		6.78	6.26	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
272	DH71701354	Nguyễn Minh	Hiếu	D17_MAR04																						5.00	5.55		5.53	4.16	6.00	5.43	6.13	5.00	5.94	5.83	118/126	43/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
273	DH71704872	Nguyễn Lê Xuân	Hoa	D17_MAR04																						7.80	7.55		6.89	7.32		6.83	7.00		7.17	7.21	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
274	DH71703492	Trần Lương Gia	Huy	D17_MAR04																						6.20	7.25		6.42	6.74	10.00	7.00	7.71		7.50	7.22	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
275	DH71703542	Nguyễn Dương Nhật	Khánh	D17_MAR04																						6.00	6.20	5.00	5.58	5.86	7.00	5.71	6.39	6.00	6.86	6.54	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
276	DH71700959	Nguyễn Ngọc	Mai	D17_MAR04																						4.73	5.30	3.00	4.58	4.36		3.86	5.13	6.00	5.79	5.44	115/126	42/46				ĐẠT	DH17
277	DH71700730	Phạm Ngọc Quỳnh	Mai	D17_MAR04																						1.93	0.10		4.75	5.61	7.00	5.26	5.50	6.00	6.50	5.87	118/126	43/46				ĐẠT	DH17
278	DH71703737	Vy Thị Bích	Mạo	D17_MAR04																						6.07	6.10		6.63	6.79		6.17	6.53	8.00	7.43	6.71	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
279	DH71703717	Lê Quang	Minh	D17_MAR04																						5.80	5.35		5.82	4.91	4.00	4.83	5.70	5.50	5.50	5.67	110/126	40/46				ĐẠT	DH17
280	DH71703719	Nguyễn Cao	Minh	D17_MAR04																						5.80	6.45		6.16	5.32		6.00	6.45	9.00	6.28	6.27	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
281	DH71703721	Nguyễn Tá	Minh	D17_MAR04																						5.67	6.20		6.00	5.76	6.00	5.50	6.45	7.00	6.83	6.29	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
282	DH71703827	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	D17_MAR04																						6.13	6.10	6.00	5.58	5.79	4.00	5.50	6.60	6.00	7.06	6.47	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
283	DH71703869	Trần Thị Vân	Nhi	D17_MAR04																						6.53	6.60	6.00	6.42	6.42		6.17	7.35	6.00	7.00	6.73	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
284	DH71700201	Võ Thị Tuyết	Nhung	D17_MAR04																						5.00	4.40		5.47	6.18	8.13	6.14	6.26		6.56	6.28	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
285	DH71705269	Nguyễn Thị Cẩm	Như	D17_MAR04																						6.73	7.30		6.79	6.68		6.50	7.18		6.56	6.83	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
286	DH71700155	Phạm Thị Quỳnh	Như	D17_MAR04																						5.00	3.30	5.00	4.58	3.46		4.48	5.36	5.67	6.10	5.25	102/126	37/46				ĐẠT	DH17
287	DH71701328	Trần Thị Quỳnh	Như	D17_MAR04																						5.33	4.65	3.00	4.26	5.50	5.50	5.86	6.56	7.00	6.10	6.21	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
288	DH71703888	Nguyễn Minh	Nhựt	D17_MAR04																						5.47	5.15		5.42	5.84	4.50	5.71	6.68	6.50	6.44	6.07	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
289	DH71703923	Châu Hữu	Phát	D17_MAR04																						5.93	6.35		6.89	6.05		6.00	6.82	9.00	7.28	6.60	124/126	45/46				ĐẠT	DH17
290	DH71703952	Võ Hoài	Phong	D17_MAR04																						6.40	6.85		6.32	6.84		6.67	6.71		6.67	6.64	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
291	DH71704206	Sầm Thị Thanh	Thảo	D17_MAR04																						4.87	6.40	7.00	4.74	5.58	6.00	6.43	6.55	6.00	6.83	6.36	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
292	DH71704209	Vũ Ngọc Thanh	Thảo	D17_MAR04																						5.80	5.20		5.58	6.00		6.14	6.35	7.00	6.00	6.10	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
293	DH71702206	Dương Thừa	Thiên	D17_MAR04																						4.73	5.30	4.00	5.42	3.05		5.38	4.77	4.50	5.00	5.10	99/126	36/46				ĐẠT	DH17
294	DH71704931	Đỗ Thị Minh	Thư	D17_MAR04																						5.47	6.45	6.00	5.53	6.74		6.29	7.00		7.11	6.58	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
295	DH71702287	Đặng Thị Ngọc	Tiền	D17_MAR04																						4.67	4.20	2.00	3.95	3.68	2.50	4.04	4.82	5.50	5.80	5.21	103/126	38/46				ĐẠT	DH17
296	DH71700722	Vòng Thái	Toàn	D17_MAR04																						3.80	3.50	0.00	4.42	3.47	5.00	3.60	4.12		5.78	4.35	67/126	26/46				ĐẠT	DH17
297	DH71704321	Đỗ Cao Thanh	Trà	D17_MAR04																						6.47	5.85		5.53	6.59	8.00	7.17	7.85		7.67	6.98	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
298	DH71704350	Diệp Thượng	Trân	D17_MAR04																						4.60	4.60		4.95	5.00	5.00	5.00	6.88	5.50	6.58	6.02	115/126	42/46				ĐẠT	DH17
299	DH71704357	Phạm Hồng Bảo	Trân	D17_MAR04																						5.67	3.35		5.58	5.19		5.50	6.81	6.00	7.19	6.35	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
300	DH71700436	Trần Trung	Trí	D17_MAR04																						4.87	4.25	5.00	4.47	3.83		3.38	3.96	3.50	5.00	4.53	82/126	30/46				ĐẠT	DH17
301	DH71705238	Cao Nguyễn Phương	Trinh	D17_MAR04																						4.87	5.25		5.58	4.79	0.00	5.64	5.20	6.25	6.19	5.91	114/126	42/46				ĐẠT	DH17
302	DH71704372	Nguyễn Hoài Bảo	Trinh	D17_MAR04																						6.53	6.30		5.89	5.37	5.00	5.15	5.50		6.30	6.10	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
303	DH71704382	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	D17_MAR04																						6.00	6.10		5.11	4.89	7.00	6.71	6.41		6.61	6.19	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
304	DH71704386	Nguyễn Thùy Thanh	Trúc	D17_MAR04																						5.67	6.50	5.00	4.89	6.05	4.00	6.63	7.41	7.50	7.11	6.75	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
305	DH71704410	Võ Hồ Thị Thanh	Truyền	D17_MAR04																						6.87	6.90		6.26	7.11		6.43	6.65		7.44	6.87	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
306	DH71704469	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	D17_MAR04																						5.47	5.60		5.05	5.26	6.00	6.17	6.52	6.00	6.70	6.30	123/126	45/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
307	DH71700805	Nguyễn Thanh	Tuyền	D17_MAR04																						4.07	4.00	2.00	1.09	4.32	4.63	5.46	5.94		5.89	5.46	106/126	39/46				ĐẠT	DH17
308	DH71704474	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	D17_MAR04																						6.20	6.60	8.00	7.05	7.00		6.50	7.18		7.22	6.93	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
309	DH71704502	Phạm Thảo	Uyên	D17_MAR04																						6.60	6.30		6.42	6.58		5.71	6.40		7.06	6.53	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
310	DH71704519	Nguyễn Đặng Thúy	Vi	D17_MAR04																						7.00	6.70		5.95	5.63		6.71	6.45		7.00	6.62	123/126	45/46				ĐẠT	DH17
311	DH71704521	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D17_MAR04																						6.27	5.05		5.68	4.89		5.00	7.18		6.87	6.10	113/126	41/46				ĐẠT	DH17
312	DH71700491	Nguyễn Tường	Vi	D17_MAR04																						5.13	5.30		5.50	5.59		5.38	6.85	8.33	7.10	6.49	126/126	46/46				ĐẠT	DH17
313	DH71704528	Nguyễn Trà	Viên	D17_MAR04																						5.20	4.00	2.00	5.68	3.64	0.00	5.00	5.92	6.00	6.81	5.79	112/126	41/46				ĐẠT	DH17
314	DH71704556	Ngô Thị Thúy	Vy	D17_MAR04																						5.33	5.20		4.95	4.81	6.00	5.29	6.05	5.33	6.57	5.94	120/126	44/46				ĐẠT	DH17
315	DH71704982	Nguyễn Ngọc	Xinh	D17_MAR04																						5.33	5.35	5.00	6.37	5.45		5.83	6.22		6.22	6.02	124/126	45/46				ĐẠT	DH17
316	DH71700170	Quách Chí	Bảo	D17_TC01																						4.60	6.25	5.00	4.84	5.79		5.70	6.55	6.50	7.05	6.28	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
317	DH71702586	Nguyễn Cao Tú	Cầm	D17_TC01																						5.87	5.90		4.95	5.68	6.00	5.41	6.09	6.00	7.00	6.06	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
318	DH71700774	Lê Trần Chánh	Cần	D17_TC01																						5.27	6.00	5.00	5.05	4.91	7.00	5.47	5.22	5.00	6.20	5.72	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
319	DH71705276	Trần	Chiến	D17_TC01																						6.80	7.05		6.58	7.32	8.00	7.65	7.60		7.73	7.34	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
320	DH71702018	Nguyễn Thị	Diễm	D17_TC01																						6.53	6.60		5.63	6.09		5.85	6.09	6.00	7.60	6.50	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
321	DH71700422	Tạ Thị Kim	Diệu	D17_TC01																						3.87	3.70	2.00	2.76	4.75	6.50	6.17	5.93	5.50	6.91	6.03	120/125	45/46				ĐẠT	DH17
322	DH71701528	Nguyễn Tấn	Đạt	D17_TC01																						5.93	7.35		6.74	7.26		7.53	6.75		7.80	7.06	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
323	DH71702136	Trương Quốc	Đạt	D17_TC01																						4.93	5.35	4.00	5.11	4.88	8.50	4.83	5.32	5.00	6.33	5.77	113/125	42/46				ĐẠT	DH17
324	DH71702401	Nguyễn Thị Mụi	Em	D17_TC01																						5.87	6.45	5.00	6.37	6.37		6.00	6.40	8.00	7.33	6.54	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
325	DH71702668	Trần Thị Mỹ	Hạnh	D17_TC01																						5.93	6.50		6.00	6.53		6.76	6.55		6.87	6.45	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
326	DH71704895	Lê Thị Bích	Hằng	D17_TC01																						6.33	6.15		5.32	5.16	6.00	5.70	6.40	5.00	5.78	6.06	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
327	DH71700892	Nguyễn Ngọc	Hằng	D17_TC01																						5.87	6.45		5.95	6.47		6.12	6.65	7.00	6.53	6.52	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
328	DH71701029	Hoàng Thị	Hiếu	D17_TC01																						6.73	6.95		6.37	6.79		6.65	6.70	7.00	7.40	6.92	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
329	DH71701748	Lê Quốc	Huy	D17_TC01																						4.80	5.45		4.73	5.58	6.00	5.30	5.70	5.00	6.05	5.75	120/125	44/46				ĐẠT	DH17
330	DH71700152	Nguyễn Thị Hương	Huyền	D17_TC01																						5.53	6.00		4.68	5.05		5.22	5.50	4.00	5.67	5.54	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
331	DH71702528	Lê Thị Minh	Khai	D17_TC01																						6.27	5.85		5.53	5.95		6.20	6.09	6.50	7.20	6.41	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
332	DH71703525	Lư Mỹ	Kỳ	D17_TC01																						6.07	6.45	6.00	5.95	6.00	3.00	5.80	5.65	5.00	6.87	6.26	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
333	DH71704987	Lê Thị Bích	Loan	D17_TC01																						7.27	7.85		7.00	7.95		7.82	7.60		7.73	7.61	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
334	DH71704904	Phạm Ngọc	Mỹ	D17_TC01																						6.13	6.40		5.95	6.32	7.00	6.47	5.80		6.27	6.31	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
335	DH71702359	Võ Minh	Năng	D17_TC01																						6.67	6.60		6.32	5.50		6.24	6.45		7.07	6.42	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
336	DH71701243	Đỗ Thị Hương	Ngân	D17_TC01																						5.93	5.75		5.42	5.63	7.00	6.74	6.60	7.00	7.44	6.54	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
337	DH71703786	Tiêu Thị Hồng	Ngân	D17_TC01																						5.67	5.50		5.24	5.05	7.00	5.25	5.00	7.00	5.67	5.72	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
338	DH71702560	Trần Thị Tuyết	Ngân	D17_TC01																						6.67	6.50		5.74	6.47		6.35	6.30	7.00	7.20	6.50	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
339	DH71600758	Võ Thái Ngọc	Ngân	D17_TC01																			6.13	6.25		6.35	5.42						6.65	9.00	6.42	6.35	114/125	43/46				CB_TGIAN	DH16
340	DH71700361	Trần Mỹ	Ngọc	D17_TC01																						7.40	7.40		6.95	7.11		7.76	7.55		7.80	7.41	125/125	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
341	DH71702113	Nguyễn Ngọc Cẩm	Nguyên	D17_TC01																						5.53	5.60	3.00	5.79	6.00	8.50	5.16	6.45		6.65	6.32	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
342	DH71701392	Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	D17_TC01																						5.53	6.05		5.37	6.62	8.00	5.85	6.14	7.00	6.47	6.32	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
343	DH71701816	Lê Hữu	Nhật	D17_TC01																						7.33	7.85		6.63	7.37		7.47	7.55		7.80	7.42	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
344	DH71700653	Ngô Thị Yến	Nhung	D17_TC01																						5.87	6.05	0.00	5.32	5.63	7.50	6.29	5.80		6.40	6.10	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
345	DH71701944	Đào Bảo	Như	D17_TC01																						5.20	6.00	0.00	4.74	4.55	8.00	5.00	5.25	6.00	6.22	5.86	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
346	DH71700330	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D17_TC01																						6.27	6.75		6.47	6.58		7.00	7.10	7.00	7.07	6.85	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
347	DH71704940	Lý Lâm Ngọc	Oanh	D17_TC01																						6.80	7.00		6.37	7.11	7.00	7.00	6.75		7.53	7.02	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
348	DH71701376	Trương Vĩnh	Phúc	D17_TC01																						5.87	3.85		3.68	6.04	8.00	6.32	6.46		7.29	6.56	120/125	44/46				ĐẠT	DH17
349	DH71601028	Dương Kim	Phương	D17_TC01																			5.40	4.85		3.18	1.95		0.00			1.95	3.30	0.00	0.71	2.99	50/125	20/46	BTH	NoHP		BTH	DH16
350	DH71701871	Lâm Ngọc	Phương	D17_TC01																						6.40	7.45		6.21	6.53		6.47	6.60	7.00	6.53	6.69	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
351	DH71704875	Lê Nguyễn Nam	Phương	D17_TC01																						6.27	6.65	7.00	5.95	6.11	7.00	6.65	6.10	7.00	7.11	6.74	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
352	DH71700648	Bạch Tuấn	Quang	D17_TC01																						4.60	2.10		1.84	1.32		1.93	1.35		0.00	2.04	21/125	8/46	BTH	NoHP	KoDKMH	BTH	DH17
353	DH71705216	Lê Thị	Thủy	D17_TC01																						7.00	7.40		7.11	7.00		7.35	7.25		7.60	7.24	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
354	DH71702413	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	D17_TC01																						5.60	5.90	6.00	4.11	4.58	5.00	5.61	5.85	7.00	5.89	5.90	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
355	DH71704949	Tạ Quang	Tiệp	D17_TC01																						6.47	5.85		6.26	6.73		6.95	6.61		7.47	6.84	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
356	DH71701918	Phạm Ngọc Thiên	Trang	D17_TC01																						4.27	5.05		4.36	4.24	7.00	4.65	5.31	5.00	6.14	5.53	116/125	43/46				ĐẠT	DH17
357	DH71700079	Lê Huyền	Trâm	D17_TC01																						5.20	5.85	5.00	5.32	6.32	8.00	6.26	6.45		6.93	6.27	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
358	DH71702159	Phạm Nguyễn Kim	Trân	D17_TC01																						5.40	5.65	6.00	5.79	6.58		5.70	6.60	8.00	6.93	6.33	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
359	DH71701306	Trần Thị Ngọc	Trân	D17_TC01																						5.73	6.35	5.00	5.79	6.26	8.00	5.94	5.85		6.27	6.15	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
360	DH71701786	Trần Thị Việt	Trinh	D17_TC01																						5.33	6.30		5.59	5.74	8.00	5.70	6.46	8.00	7.07	6.42	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
361	DH71701316	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D17_TC01																						6.00	5.50	4.00	5.95	5.84	8.50	6.29	6.35		6.53	6.32	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
362	DH71700738	Đỗ Anh	Tuấn	D17_TC01																						5.40	6.20	5.00	5.89	6.10		6.12	5.40		6.27	5.98	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
363	DH71701808	Nguyễn Hoàng	Tuấn	D17_TC01																						4.67	5.10		4.50	5.53	6.50	5.30	5.30	6.00	6.05	5.66	114/125	42/46				ĐẠT	DH17
364	DH71701592	Nguyễn Văn	Tuấn	D17_TC01																						5.60	6.70		5.68	6.37		6.47	6.00		6.67	6.22	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
365	DH71701981	Phan Huỳnh Anh	Tuấn	D17_TC01																						4.47	4.85		3.95	4.63	5.50	3.50	5.43	4.67	5.94	5.22	105/125	39/46				ĐẠT	DH17
366	DH71700651	Trương Thị Kim	Tuyền	D17_TC01																						5.67	5.85	5.00	5.53	6.21	8.00	6.00	6.00		6.87	6.14	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
367	DH71704820	Huỳnh Thị Thu	Vân	D17_TC01																						5.73	6.50		5.63	6.11	8.00	6.35	6.25		6.61	6.33	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
368	DH71704907	Trương Thị Thúy	Vy	D17_TC01																						6.40	7.15		6.63	6.47	9.00	6.47	6.40		8.00	6.89	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
369	DH71701043	Nguyễn Thị Mỹ	Xuân	D17_TC01																						6.40	6.20		6.05	6.47		6.25	6.85	7.50	7.73	6.78	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
370	DH71702294	Phạm Quốc Tiểu	Yến	D17_TC01																						6.27	5.45		4.58	4.81	6.00	5.50	5.70	5.50	6.20	5.83	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
371	DH71703152	Lê Thị Ngọc	Châu	D17_TC02																						6.53	5.70		4.95	5.53		5.05	4.95	6.00	6.20	5.68	113/125	42/46				ĐẠT	DH17
372	DH71601594	Nguyễn Minh	Chương	D17_TC02																			4.86	2.25		3.20	1.46			4.41		2.17	4.46		5.71	3.80	76/125	32/46				CB_TGIAN	DH16
373	DH71703225	Đỗ Tiến	Dũng	D17_TC02																						6.60	6.50		6.63	5.42		6.65	5.95		6.80	6.34	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
374	DH71703254	Võ Quốc Lê	Duy	D17_TC02																						6.27	7.15		6.68	5.74		6.40	6.22		6.13	6.50	125/125	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
375	DH71703258	Lữ Thanh	Duyên	D17_TC02																						6.60	6.05		6.37	5.14		5.76	6.44	5.00	6.93	6.30	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
376	DH71703269	Thái Thị Mỹ	Duyên	D17_TC02																						6.07	6.55		6.63	7.37		6.14	0.00		6.78	5.61	96/125	36/46				ĐẠT	DH17
377	DH71705262	Nguyễn Trường	Đạt	D17_TC02																						7.40	7.25		6.89	6.47		7.29	6.95		7.20	7.05	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
378	DH71703340	Hồ Phạm Hồng	Gấm	D17_TC02																						5.33	5.50	4.00	6.47	5.55	8.00	5.76	5.40	5.50	5.33	5.91	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
379	DH71703330	Lê Thị Lam	Giang	D17_TC02																						7.13	7.60		7.63	7.26		7.29	6.95		7.93	7.39	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
380	DH71703421	Phan Thị Hồng	Hạnh	D17_TC02																						6.00	5.65	6.00	5.74	5.58	6.00	6.47	5.65		6.07	6.02	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
381	DH71703377	Lê Thị	Hiền	D17_TC02																						5.40	6.00	5.00	6.21	5.42	7.00	5.24	5.87	5.50	6.60	6.08	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
382	DH71703432	Thân Thị Nhớ	Hoài	D17_TC02																						6.60	6.90		6.32	6.74		6.29	5.95		7.20	6.55	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
383	DH71703497	Đỗ Ngọc	Huyền	D17_TC02																						7.40	6.90		7.42	7.84		7.59	7.65		8.67	7.61	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
384	DH71702267	Nguyễn Thị	Huyền	D17_TC02																						6.35	5.12		5.32	4.78		5.29	5.86	6.50	5.83	5.75	147/125	56/46				ĐẠT	DH17
385	DH71701946	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	D17_TC02																						5.47	6.10	8.00	6.05	6.00		6.47	6.40		7.73	6.42	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
386	DH71703523	Tô Lý Thiên	Hương	D17_TC02																						5.93	6.35		5.11	4.21		4.57	4.91	7.00	5.67	5.46	101/125	38/46				ĐẠT	DH17
387	DH71703551	Trần Thị Kim	Khánh	D17_TC02																						4.93	5.10		5.05	5.50	7.50	5.05	6.00	6.00	6.06	5.88	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
388	DH71703593	Võ Thúy	Kiều	D17_TC02																						7.27	7.75		7.11	7.00		8.18	8.00		7.93	7.60	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
389	DH71702374	Võ Thị Khánh	Linh	D17_TC02																						6.07	5.65	7.00	5.79	5.00		5.59	5.74	5.00	6.27	5.86	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
390	DH71701255	Nguyễn Thị Phượng	Loan	D17_TC02																						4.55	4.16		3.95	4.44		5.36	5.28	5.00	5.09	5.06	119/125	47/46				ĐẠT	DH17
391	DH71703729	Châu Huệ	Mẫn	D17_TC02																						6.00	6.55	8.00	6.21	6.58	6.00	6.12	5.80		5.40	6.26	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
392	DH71600962	Hoàng Thanh	Minh	D17_TC02																			5.13	5.00	6.00	3.35				5.09	7.00	5.76	5.12	5.50	6.00	5.31	109/125	41/46				CB_TGIAN	DH16
393	DH71703762	Hồng Thị Kim	Ngân	D17_TC02																						5.60	6.35		6.42	6.36		5.47	6.70	8.00	7.33	6.58	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
394	DH71704900	Lê Hoàng Thu	Ngân	D17_TC02																						7.33	6.60		6.37	6.42		7.18	6.55		7.40	6.79	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
395	DH71704825	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D17_TC02																						7.80	7.85		8.00	8.42		8.12	7.85		8.27	8.04	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
396	DH71703802	Công Phương	Nghi	D17_TC02																						6.60	5.75		6.37	6.23		6.12	6.70		7.40	6.47	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
397	DH71704811	Châu Bội	Ngọc	D17_TC02																						7.53	7.65		6.53	6.58	7.00	6.82	6.15		6.80	6.94	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
398	DH71703794	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D17_TC02																						7.73	7.50		7.79	7.74		8.00	8.20		8.07	7.86	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
399	DH71703828	Nguyễn Thị Lan	Nguyên	D17_TC02																						6.20	6.50		6.11	6.74		6.47	6.45		7.40	6.54	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
400	DH71703880	Nguyễn Quang	Nhật	D17_TC02																						6.00	4.20		5.00	5.14		5.76	6.46	7.00	6.10	6.08	123/125	45/46				ĐẠT	DH17
401	DH71703900	Đinh Thị Quỳnh	Như	D17_TC02																						6.87	6.35	9.00	6.63	7.41		7.47	7.25		8.20	7.34	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
402	DH71701954	Lê Thị Huỳnh	Như	D17_TC02																						4.93	5.50	5.00	5.53	5.64		5.65	5.70	5.00	6.53	5.87	119/125	44/46				ĐẠT	DH17
403	DH71703926	Lâm Tấn	Phát	D17_TC02																						5.73	6.55		6.95	7.42		8.59	8.35		8.80	7.48	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
404	DH71704914	Nguyễn	Phúc	D17_TC02																						5.00	5.55	0.00	4.37	5.16		4.78	5.50	6.00	6.00	5.51	101/125	37/46				ĐẠT	DH17
405	DH71704019	Lý Nhơn	Qui	D17_TC02																						7.93	7.25		6.89	7.05		7.82	8.15		7.93	7.55	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
406	DH71702543	Phạm Thị Kim	Quy	D17_TC02																						5.93	6.15	0.00	7.21	6.14		7.05	6.70		7.13	6.74	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
407	DH71704068	Lê Tấn	Sơn	D17_TC02																						7.00	7.85		8.00	7.84		7.29	7.25		7.40	7.54	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
408	DH71704093	Nguyễn Thị	Tám	D17_TC02																						6.47	7.20		7.32	6.50		8.00	7.50		7.12	7.28	125/125	46/46				ĐẠT	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
409	DH71702376	Đặng Trần Phương	Thảo	D17_TC02																						5.80	5.85		5.42	5.58		5.53	6.60		5.67	5.82	122/125	45/46				ĐẠT	DH17
410	DH71704311	Lê Thanh	Toàn	D17_TC02																						6.73	7.20		7.63	7.26		7.29	6.80		7.73	7.23	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
411	DH71704337	Tạ Thu	Trang	D17_TC02																						6.40	6.50		6.84	6.68		7.76	7.55		8.53	7.15	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
412	DH71704855	Trương Ngọc	Trâm	D17_TC02																						5.47	5.80	6.00	6.00	5.16	4.00	5.05	5.74	5.50	5.06	5.80	110/125	41/46				ĐẠT	DH17
413	DH71704432	Nguyễn Hồng Cẩm	Tú	D17_TC02																						6.87	6.55		6.42	4.95		1.06	6.35	8.33	6.81	6.54	116/125	43/46				ĐẠT	DH17
414	DH71704503	Tiền Thị Thu	Uyên	D17_TC02																						6.93	6.40		6.47	6.53	7.00	6.47	6.25		6.40	6.55	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
415	DH71704815	Dương Nhã	Văn	D17_TC02																						5.67	6.30		6.95	6.36		7.18	6.55		7.40	6.70	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
416	DH71600307	Ngô Hoàng Anh	Vũ	D17_TC02																						3.71	3.40	6.00	2.78	3.66	8.00	5.32	4.17		6.43	5.26	101/125	37/46				CB_TGIAN	DH16
417	DH71704551	Bùi Khánh	Vy	D17_TC02																						7.47	7.10		6.79	7.42		8.12	7.90		7.93	7.51	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
418	DH71704563	Lê Thị Tiểu	Xâm	D17_TC02																						7.47	7.45		7.89	7.68		8.12	7.70		7.47	7.69	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
419	DH71704818	Trần Quyên Chung Chí	ý	D17_TC02																						7.67	7.95		6.79	7.89	8.00	8.12	6.95		8.27	7.75	125/125	46/46				ĐẠT	DH17
420	DH71704571	Đặng Thị Hãi	Yến	D17_TC02																						5.00	7.05	9.00	6.84	6.37		7.43	7.30		7.00	7.01	125/125	46/46				ĐẠT	DH17

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1

102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2

103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè

111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí

[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học

[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập

[4] BTH: Buộc thôi học

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học

[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập

[7] DC: Đình chỉ học tập

[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập

[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân

[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**